

MỘT SỐ GIÁ TRỊ GIÁO DỤC CỦA NHO GIÁO TRONG VIỆC ĐÀO TẠO CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: Một trong những vấn đề trung tâm của Nho giáo là vấn đề giáo dục - đào tạo con người. Những tư tưởng cơ bản của giáo dục Nho giáo đã được truyền bá vào Việt Nam từ rất sớm và trở thành một trong những cội nguồn cơ bản của nền giáo dục truyền thống Việt Nam. Bài viết này đề cập đến một số giá trị cơ bản của giáo dục Nho giáo cần kế thừa, đổi mới và phát triển trong công cuộc xây dựng và phát triển ở Việt Nam hiện nay. Đó là coi trọng giáo dục đạo đức làm người; giáo dục ý thức đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ, coi trọng kỷ cương phép nước; giáo dục tinh thần bền bỉ học tập, ý thức tu thân; xây dựng những mẫu người lý tưởng làm mục tiêu phấn đấu cho mọi người; vấn đề sử dụng con người, thực hành chính danh; chú trọng đến các phương pháp giáo dục tích cực.

Từ khóa: Chính danh; đạo đức; giáo dục; Nho giáo; tu thân.

Dẫn nhập

Nho giáo ra đời vào thời Xuân Thu do Khổng Tử sáng lập. Cũng từ đó, một trong những vấn đề trung tâm của Nho giáo là vấn đề giáo dục - đào tạo con người. Những tư tưởng cơ bản của giáo dục Nho giáo đã được truyền bá vào Việt Nam từ rất sớm. Và trong thời kỳ quân chủ, chúng trở thành một trong những cội nguồn cơ bản của nền giáo dục ở Việt Nam.

Trong thời đại ngày nay, khi Việt Nam phát triển kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH-HĐH), vấn đề giáo dục - đào tạo con người đang trở thành vấn đề trung tâm. Chúng tôi

* Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 25/9/2018; Ngày biên tập: 12/11/2018; Ngày duyệt đăng: 22/11/2018.

cho rằng, việc xây dựng chiến lược giáo dục - đào tạo con người cần phải chú ý đến nhiều cơ sở khác nhau, trong đó có sự kế thừa các giá trị của giáo dục đào tạo truyền thống, trong đó có các giá trị của giáo dục Nho giáo - một trong những cội nguồn của giáo dục truyền thống Việt Nam.

Tuy nhiên, muốn kế thừa, phát huy những giá trị của giáo dục Nho giáo, điểm căn bản ở đây là phải ứng biến những giá trị của Nho giáo phù hợp với xã hội hiện đại. Bởi lẽ, chỉ những tư tưởng phản ánh xã hội hiện tại đang sôi động mới có giá trị định hướng cho hoạt động của con người một cách hiệu quả. Chính vì vậy để làm cho những giá trị của giáo dục Nho giáo trở nên có ý nghĩa, có sức sống, có sức hấp dẫn với thời đại hiện nay chúng ta cần tẩy rửa những cái lỗi thời, cái không phù hợp, làm mới những cái có giá trị bằng chính những chất liệu mới đang có ở xã hội hiện nay. Bên cạnh đó, việc dân tộc hóa, hiện đại hóa những giá trị cũ cũng là bước đi cần thiết, có tính quy luật trong các giải pháp nhằm kế thừa các giá trị truyền thống cho sự phát triển hiện đại.

Việc kế thừa và phát triển các giá trị của giáo dục Nho giáo có nhiều nội dung phong phú, dưới đây chúng tôi đề cập đến một số nội dung cơ bản.

1. Coi trọng giáo dục đạo đức làm người

Nội dung cơ bản của giáo dục theo tinh thần Nho giáo chính là giáo dục đạo đức. Trước hết, là giáo dục *đạo làm người cơ bản*, coi đó là cơ sở, là nền tảng, là cái gốc bền chắc để con người tiến xa hơn. Đạo làm chính trị cũng dựa trên cốt lõi là đạo đức. Các phẩm chất đạo đức cơ bản, như: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín phản ánh những phẩm chất cốt lõi của con người và trở thành đạo làm người trong giáo dục Nho giáo. Có thể nói đây là một điểm sáng trong quan niệm giáo dục Nho giáo - coi giáo dục đạo đức làm người là nhiệm vụ cơ bản của mọi quá trình giáo dục.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Học thuyết của Khổng Tử có cái hay là coi trọng đạo đức”. Bài học về sự chú trọng giáo dục đạo đức của Nho giáo được Người tiếp thu, kế thừa một cách nhuần nhuyễn. Người chỉ rõ: “Học để làm người”, “nên người” rồi mới học

làm cán bộ - làm người tốt là cơ sở để làm cán bộ tốt, làm cán bộ tốt trước hết phải làm người tốt. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không xa rời bài học đạo đức. Trong sự nghiệp giáo dục hiện nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhấn mạnh việc giáo dục đạo đức, phê phán mọi biểu hiện xem nhẹ, hình thức hóa việc giáo dục đạo đức, kêu gọi những hình thức giáo dục đạo đức phong phú từ gia đình đến nhà trường và ngoài xã hội. Đó là điểm gặp gỡ đầu tiên của tư tưởng giáo dục Nho giáo với yêu cầu giáo dục hiện nay.

Trong giáo dục đạo đức, Nho giáo *coi trọng giáo dục đạo đức cá nhân*. Giáo dục đạo đức cá nhân là một vấn đề quan trọng của giáo dục đạo đức, bởi lẽ đạo đức xã hội được thể hiện qua các cá nhân. Đạo đức cá nhân một mặt bao chứa trong nó những nguyên tắc, chuẩn mực chung của đạo đức xã hội, phản ánh các yêu cầu của xã hội, mặt khác, nó cũng chứa đựng những sắc thái riêng, phản ánh nét đặc thù của từng cá nhân, của các nhân cách.

Từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới, việc phát triển nền kinh tế thị trường, việc đẩy mạnh CNH-HĐH đã tạo ra những xung lượng mới cho sự phát triển. Bên cạnh những mặt tích cực, nó cũng đặt ra cho xã hội nhiều vấn đề phải giải quyết. Đó là những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân cực đoan, hưởng thụ, chạy theo đồng tiền, theo danh lợi... mà bất chấp đạo đức và luật pháp. Những biểu hiện trên len lỏi vào lối sống, nhân cách thế hệ trẻ tạo ra nguy cơ dẫn đến sự tha hóa về đạo đức. Thực tế này đã được tổng kết trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII. Nghị quyết viết: “Đặc biệt đáng lo ngại là trong một bộ phận học sinh, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp, vì tương lai của bản thân, đất nước”¹. Cũng chính vì vậy, việc giáo dục đạo đức cá nhân hiện nay đang trở thành một vấn đề cấp thiết.

Nghiên cứu đạo đức Nho giáo cho thấy, có nhiều giá trị đạo đức còn phù hợp với giáo dục con người Việt Nam trong giai đoạn CNH-HĐH. Những giá trị đó rất cần được phát hiện và khuyến khích trên cơ sở chọn lọc và bổ sung. Ở đây có thể nêu ra một số luận điểm tiêu biểu, như: tư tưởng tu thân, về những phẩm chất mà mỗi cá nhân phải

trau dồi thường xuyên - ngũ thường; với học trò thì cần phải có *hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa*; đối với người có chức quyền thì phải có *nhân, trí, dũng*; v.v... Đương nhiên những nội dung của chúng phải được lý giải phù hợp với thời đại ngày nay.

2. Giáo dục ý thức đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ; coi trọng kỷ cương phép nước

Thứ nhất, giáo dục tinh thần đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ cá nhân.

Trách nhiệm, nghĩa vụ cá nhân trong quan niệm của Nho giáo được thể hiện ở bốn thang bậc: đối với bản thân, đối với gia đình, đối với quốc gia, đối với thiên hạ. Giáo dục con người của Nho giáo hướng tới các mục tiêu “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Ở đây, Nho giáo đã nhận ra mối quan hệ chặt chẽ giữa cá nhân với xã hội, cá nhân với các hình thức cộng đồng tồn tại của mình. Có thể thấy, đạo đức Nho giáo xa lạ với chủ nghĩa cá nhân vị kỷ. Về vấn đề này, nhà nghiên cứu Phan Văn Các nhận xét: “Nho giáo coi trọng luân thường đạo lý, sống có trách nhiệm nghĩa vụ, dễ tiếp thu, lễ sống đặt lợi ích xã hội lên trên lợi ích cá nhân, không chấp nhận chủ nghĩa cá nhân cực đoan lẫn xa đọa con người, làm xã hội xuống cấp”².

Với nội dung như vậy, có thể nói tư tưởng trên của Nho giáo bao chứa một triết lý nhân sinh, nhân bản. Con người không thể sống một cách biệt lập, đơn độc mà con người luôn tồn tại trong những cộng đồng nhất định. Các cộng đồng này gắn bó với nhau bằng rất nhiều quan hệ. Việc thực hiện tốt các nghĩa vụ, trách nhiệm tương ứng với các quan hệ này là một hình thức cố kết cộng đồng một cách ổn định và bền vững nhất.

Ở Việt Nam hiện nay, có một thực tế đáng lo ngại là vấn đề thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ công dân của mỗi người, trong đó có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đã và đang xuống cấp. Từ thực tế đó, nền giáo dục ở nước ta hiện nay cần phải kế thừa *tinh thần giáo dục đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ cá nhân*. Đây là một yêu cầu cấp thiết. Tuy nhiên, chúng ta không quên khẳng định rằng, nghĩa vụ, trách nhiệm cá nhân được hiểu trong xã hội hiện đại ngày nay đã rộng hơn rất nhiều so với quan niệm của Nho giáo. Ngoài những bổn phận có tính truyền

thống như trách nhiệm, nghĩa vụ đối với gia đình, xã hội, thì bốn phần ấy phải thể hiện được nghĩa vụ của một công dân trong từng vị trí, công việc mà mình đảm nhiệm.

Con người của xã hội hiện đại phải thể hiện là người công dân có ý thức trách nhiệm cao đối với xã hội mình đang sống, với công việc mình đang làm. Nó phải được thể hiện qua năng lực lao động sáng tạo, sự trung thực, sự cần kiệm, liêm chính, tinh thần đấu tranh chống tệ nạn xã hội như tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, đặc lợi; là tinh thần vươn lên chiếm lĩnh khoa học, tri thức, làm chủ công nghệ, biết làm giàu chính đáng cho bản thân và cho đất nước; là tinh thần tự chủ, tự lập, tự cường, là tinh thần tập thể, mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người... Thực hiện được điều đó phải chăng chính là con người đã “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” theo cách nhìn ngày nay.

Thứ hai, giáo dục ý thức coi trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng. Từ khi hình thành xã hội loài người thì cũng đã bắt đầu xuất hiện những quy ước chung của cộng đồng. Khi nhà nước ra đời thì xuất hiện những quy định chung có tính pháp lý cao, buộc mọi người sống trong đó phải chấp hành - đó là kỷ cương phép nước. Xã hội loài người tồn tại một cách ổn định, trật tự là nhờ các quy định của phép nước cũng như quy ước của cộng đồng. Mỗi một quốc gia, mỗi một giai đoạn lịch sử có một quy định riêng, nó phản ánh các trật tự của cộng đồng, mặt khác trong chừng mực nhất định nó phản ánh các phong tục, tập quán, cái bản sắc văn hóa của cộng đồng ấy.

Ở Nho giáo, việc giáo dục vấn đề này được đặt lên hàng đầu, nó thể hiện một cách ngắn gọn bằng phương châm giáo dục “Tiên học lễ, hậu học văn”. “Lễ”, một mặt, được hiểu là những hình thức để chuyển tải các nội dung “đạo làm người” của Nho giáo hay theo cách nói của các nhà nghiên cứu Nho giáo, thì “Lễ” là một hình thức thể hiện của “Nhân”. Như vậy, “tiên học lễ” theo cách hiểu của Nho giáo là trong việc học thì lấy việc học “đạo làm người” là cơ bản nhất. Ở một góc độ khác, “Lễ” còn được hiểu là những quy định ngặt nghèo về việc ứng xử qua các hành vi cụ thể của con người, những quy tắc, quy phạm của xã hội, cũng như những quy định bất thành văn của cộng đồng kể cả những cái thuộc về phong tục, tập quán... Như vậy, ở đây

“Lễ” không chỉ là những quy tắc, quy định của xã hội phong kiến, mà còn bao hàm trong đó cả một phần của văn hóa dân tộc. Tóm lại, học Lễ là học cái kỷ cương phép nước, các quy định của cộng đồng, cái văn hóa của dân tộc.

Trước đây, khi nói đến Lễ của Nho giáo, người ta thường phê phán, cho đó là những quy định hà khắc, ngặt nghèo mang đầy tính đẳng cấp và cho nó là cũ, là lạc hậu, là hủ tục cần loại bỏ. Điều này là không thỏa đáng. Nhìn nhận như vậy thì chưa thấy hết vai trò và tác dụng của nó ở góc độ văn hóa, góc độ cộng đồng. Nho giáo chú trọng giáo dục Lễ, coi đó là biện pháp an toàn nhất để bảo toàn trật tự xã hội, cũng là duy trì phong tục tập quán đã có từ thời xưa. Việc giáo dục Lễ đã đạt tới mức sâu sắc ở chỗ nó trở thành tiêu chuẩn để đánh giá hành vi của con người, huy động được dư luận của toàn xã hội trọng người có lễ, khinh ghét người vô lễ. Mức độ sâu sắc còn ở chỗ nó đi vào lương tâm của con người, vi phạm lễ là điều sỉ nhục, thậm chí đến mức thà chết không bỏ lễ³.

Hiện nay, xã hội Việt Nam đang có nhiều biến động. Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường đang tác động đến nhiều mặt trên lĩnh vực đạo đức, lối sống, thuần phong, mỹ tục, lối sống kỷ cương phép nước, xem nhẹ quy ước cộng đồng cùng nhiều biểu hiện xa rời bản sắc văn hóa dân tộc trong các cách ứng xử, giao tiếp, làm ăn.... Trước tình trạng báo động này, nhiều nhà trường, trung tâm giáo dục khơi dậy phong trào coi trọng việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỷ cương phép nước. Cùng với các phong trào này, ở các trường phổ thông và cả các trường đại học, bên cạnh các khẩu hiệu, như: “Học tập 5 điều Bác Hồ dạy”, “Dạy tốt, học tốt”, v.v... còn sử dụng lại mệnh đề “Tiên học lễ, hậu học văn”.

Với tinh thần phê phán, kế thừa một cách có chọn lọc tư tưởng giáo dục Nho giáo, chúng tôi cho rằng, việc đưa mệnh đề đó vào nhà trường cần có cách hiểu mới. “Giáo dục lễ không phải là lập lại kỷ cương cũ mà là xác lập kỷ cương mới, không phải dạy lễ mà là hình thành một lễ sống mới”⁴. Như vậy, phải xem lễ ở đây chính là chuẩn mực, quy phạm, quy định, kỷ cương của xã hội mới, là những quy ước của cộng đồng trong xã hội mới và cần phải đề cao giáo dục những

chuẩn mực đó. Tuy vậy, cũng cần khẳng định rằng, trong cái mới đó bao gồm cả những cái thuần phong mỹ tục, những chuẩn mực đạo đức cũ, những quy ước làng xã cũ còn hợp thời là một hướng đi đúng. Đó là cách làm cho “Lễ” vừa mang tính hiện đại, vừa mang bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Giáo dục tinh thần bền bỉ học tập, ý thức tu thân

Thứ nhất, Giáo dục tinh thần bền bỉ học tập, học tập suốt đời. Có lẽ cùng với Nho giáo, lần đầu tiên trong lịch sử, việc dạy và học suốt đời mới trở thành những đức tính cơ bản của con người. Khổng Tử nêu: “Học không chán là Trí đấy, dạy không mỏi là Nhân đấy”. Điều này khẳng định tầm quan trọng của sự bền bỉ học tập trong quan niệm của Nho giáo.

Người Việt Nam đã chủ động tiếp nhận tư tưởng này của Nho giáo, xây dựng nền giáo dục Nho học rục rở, đào tạo được nhân tài cho đất nước, gây dựng trong nhân dân tâm lý hiếu học, ham học.

Hơn lúc nào hết, việc thực hiện CNH-HĐH đòi hỏi con người phải có tri thức, trình độ tay nghề cao hơn hẳn so với những giai đoạn trước đây. Tri thức, tay nghề không phải là sản phẩm tiên thiên mà phải do học hỏi, rèn luyện, tích lũy mới có; đồng thời tri thức, tay nghề còn phải được thường xuyên nâng cao, đổi mới. Vì vậy tinh thần “học tập không biết mệt mỏi” là một trong những phẩm chất quan trọng. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII cũng cho rằng “thường xuyên học tập nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn” là một trong những đức tính cần có của người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

Ngày nay trong công cuộc CNH-HĐH, chúng ta cần khơi dậy trong xã hội truyền thống hiếu học, ham học của cha ông. Xã hội cần tạo những điều kiện để mở mang, khuyến khích việc dạy và học, làm cho việc dạy và học trở thành nhu cầu tất yếu của mọi người ở mọi nơi, mọi lúc. Tuy nhiên, khơi dậy truyền thống ham học ở Nho giáo, song cũng cần tránh tâm lý kiêu học khoa bảng, học để làm quan - vốn là truyền thống nặng nề ở những nước chịu ảnh hưởng của Nho giáo, trong đó có Việt Nam.

Thứ hai, Giáo dục ý thức tu thân. Trọng tâm của giáo dục đạo đức Nho giáo nằm ở hai chữ: “tu thân”. Nhân cách đạo đức con người không phụ thuộc vào tính trời cho, mà được quyết định bởi sự giáo dục và công lao rèn luyện, tu dưỡng của chính con người mà nên. Muốn trở thành “người” đòi hỏi mọi người trong xã hội, bất kỳ ở danh vị nào cũng phải tu thân. Sách *Đại học* viết: “Tự Thiên tử dĩ ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản”. Có thể nói, tư tưởng này đã vượt lên trên quan niệm đẳng cấp của Nho giáo và mang tính tiến bộ rõ nét. Nó vượt qua khoảng thời gian của một chế độ xã hội, vượt qua ranh giới quốc gia, trở thành tư tưởng có tính phổ biến, có tính nhân loại. Các nhà Nho xưa đã từng lấy và luôn lấy tư tưởng “tu thân” làm trọng trong giáo dục.

Ở Việt Nam hiện nay, người ta thường nói nhiều đến việc tự rèn luyện, tự tu dưỡng. Thực chất của nó không phải cái gì khác ngoài nội dung “tu thân”. Chúng tôi cho rằng, có lẽ nên trở lại khái niệm “tu thân”, vì nó có sức thuyết phục hơn, dễ nhớ, dễ hiểu hơn lại phản ánh được nét văn hóa truyền thống vốn có, cũng như khai thác được ý chí nội tâm của mỗi người. Tuy nhiên, “tu thân” trong giáo dục con người ở thời kỳ CNH-HĐH có những nội hàm và mục đích khác xa với việc “tu thân” trong quan niệm Nho giáo. Tu thân ở đây phải bao hàm việc học tập không ngừng để tiếp thu các thành tựu văn hóa, khoa học, công nghệ tiên tiến; có ý thức tìm tòi, đổi mới, sáng tạo trong công việc để đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

4. Xây dựng những mẫu người lý tưởng làm mục tiêu phấn đấu cho mọi người

Có thể nói, Nho giáo thành công trong việc xây dựng mẫu người lý tưởng. Đó là mẫu người vừa có tính khái quát cao, vừa có tính phổ biến. Trong ý thức mọi người - đó là hình ảnh cần phải hướng tới để hoàn thiện mình. Nho giáo đã xây dựng những mẫu người: kẻ sĩ, đại trượng phu, người quân tử. Trong ba mẫu người ấy, Nho giáo coi “quân tử” là mẫu người lý tưởng cao nhất, chỉ đứng sau “thánh nhân”.

Nét đặc trưng cơ bản cho mẫu người quân tử có tính siêu thoát, vượt lên trên “tầm thường” ấy chính là nhân cách cao thượng. Song dù siêu thoát lên trên cái tầm thường nhưng lại rất gần gũi, gắn bó với đời

thường bởi người ta đều có thể tìm thấy những phẩm chất của họ trong những con người thực cụ thể.

Mẫu người quân tử tuy hoàn thiện nhưng không xa lạ vì nó được khái quát lên từ cuộc sống phong phú, sinh động của xã hội lúc bấy giờ nên nó có tính thuyết phục cao, cảm hóa, lôi cuốn được mọi người. Họ không phải là người bước xuống từ thế giới thần thánh, không phải là người bước ra từ huyền thoại do sức sáng tạo kỳ diệu của tư tưởng con người. Họ bước ra từ hiện thực cuộc sống xã hội lúc bấy giờ, qua sự sáng tạo của các nhà tư tưởng mà trở nên hoàn thiện, không chỉ cuốn hút mà còn định hướng cho mọi người.

Trong chiến lược giáo dục “trồng người”, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc xây dựng *mẫu người tiên phong* làm mục tiêu phấn đấu cho mọi người. Người đã xuất phát từ thực tiễn cách mạng và những yêu cầu cần có của thực tiễn cách mạng, tùy theo đặc điểm của từng đối tượng, từng công việc mà nêu ra những mẫu người có những nét đặc thù cho mỗi loại công việc. Với mỗi mẫu người ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra những yêu cầu cụ thể, sâu sắc, dễ nhớ.

Mỗi giai đoạn lịch sử đều có những nhiệm vụ riêng, có đặc trưng riêng. Bởi vậy, trong giai đoạn hiện nay, chúng ta cần nhanh chóng xây dựng mẫu người với những phẩm chất đáp ứng được các yêu cầu của thời đại mới - xây dựng con người của thời kỳ CNH-HĐH. Nếu trong thời kỳ chiến tranh giải phóng, phẩm chất dũng cảm, sẵn sàng hy sinh, vượt lên mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ được đặt lên hàng đầu thì trong thời kỳ CNH-HĐH, con người mới phải có được các phẩm chất: có năng lực tư duy sáng tạo; sự hiểu biết, chiếm lĩnh tri thức; ý chí học tập, rèn luyện lập thân, lập nghiệp, tinh thần khởi nghiệp; có khả năng chiến thắng trong quá trình cạnh tranh, v.v... Tóm lại, họ là người có tài, có trí, có đức phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại.

Liên quan đến vấn đề này, Bác Hồ từng nói, người có nhân cách lý tưởng phải là người có đức, có tài, lấy đức làm gốc: trung với nước, hiếu với dân, với mô hình nhân cách là “Nhân - Trí - Dũng”. Tất nhiên các nội dung cụ thể của “Nhân - Trí - Dũng” đã khác xưa nhiều, nó được nâng lên tầm cao của thế giới quan, nhân sinh quan trước những yêu cầu hiện đại của sự phát triển đất nước.

5. Vấn đề sử dụng con người, thực hành chính danh

Vấn đề sử dụng con người được Nho giáo đề cập ở nhiều góc độ khác nhau và cũng khá phong phú. Ở đây, chúng tôi chỉ xin đề cập đến việc sử dụng con người đúng với danh vị của họ. Quan niệm này có thể tìm thấy trong *Thuyết Chính danh*.

Cốt lõi của tư tưởng chính danh là: Mỗi người trong xã hội đều có một danh (“danh - vị”) nhất định. Mỗi người phải thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm theo “danh - vị” của mình, đó là con người biết sống một cách chính danh. Đồng thời để một người thực hiện tốt nghĩa vụ, bổn phận nào đó thì người đó phải có danh tương ứng.

Trong xã hội ngày nay, tồn tại nhiều biểu hiện không chính danh, làm suy thoái đạo đức xã hội. Trong gia đình, đó là những hiện tượng con cái bất hiếu, không chăm sóc cha mẹ khi già yếu; cha mẹ thờ ơ, vô trách nhiệm với con cái; anh em kiện tụng tranh giành lẫn nhau, v.v... Ở nhà trường, đạo lý thầy trò sa sút, thầy không ra thầy, trò không ra trò,... Ngoài xã hội, xuất hiện một bộ phận người nhân danh là công bộc, đầy tớ của dân nhưng lại tham nhũng hối lộ, quan liêu, cửa quyền,... Sự không chính danh của một bộ phận người đó dẫn đến sự mất ổn định trật tự xã hội, sự suy thoái về đạo đức xã hội, sự khủng hoảng về niềm tin vào cuộc sống.

Về mặt chính trị, phạm trù chính danh trở thành hạt nhân của văn hóa chính trị. Cùng với những phạm trù khác, như: *lễ trị*, *vuong đạo*, *tam cương*, v.v... tạo nên một văn hóa chính trị đặc thù của xã hội truyền thống phương Đông.

Tư tưởng chính danh đã được cha ông ta kế thừa. Ngày nay nó vẫn gần gũi với nhiều người Việt Nam tâm huyết với văn hóa truyền thống. Việc giáo dục con người theo chuẩn mực công dân của xã hội mới, giáo dục con người sống theo đúng nghĩa vụ, bổn phận của mình là giáo dục ý thức chính danh trong xã hội mới.

Trong xã hội hiện đại, việc xác định rõ danh - vị của mỗi người trong hệ thống mà họ tham gia, cũng như trách nhiệm, bổn phận của họ có ý nghĩa rất quan trọng. Nếu mỗi người đều thực hiện đúng trách nhiệm, bổn phận theo danh - vị của mình, xã hội sẽ phát triển hài hòa,

ngược lại sẽ gây nên những trục trặc, nhiễu loạn dẫn đến sự trì trệ trong sự phát triển chung của xã hội, của mỗi cá nhân, làm suy giảm đạo đức xã hội.

Trong giai đoạn CNH-HĐH, giáo dục đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu, con người được coi là nguồn lực quan trọng nhất, là nhân tố cơ bản tạo nên động lực để phát triển xã hội thì việc xây dựng lối sống chính danh, việc sử dụng con người một cách chính danh có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nó góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng con người trong thời kỳ CNH-HĐH.

6. Chú trọng đến các phương pháp giáo dục tích cực

Ngoài những điểm cơ bản đã nêu trên, giáo dục Nho giáo cũng gợi mở những phương pháp giáo dục phát huy tính tích cực của người dạy và học.

Thứ nhất, chọn điểm xuất phát giáo dục *bắt đầu từ thực tế khách quan và những tình cảm tự nhiên của con người*. Ví dụ, khi giáo dục tư tưởng “luân - thường”, Nho giáo tìm điểm xuất phát ban đầu từ yêu cầu khách quan của trật tự xã hội đang tồn tại, mặt khác cũng xuất phát từ tình cảm hết sức tự nhiên của con người. Việc *xã hội hóa* những tình cảm tự nhiên ấy thành những giá trị, chuẩn mực đạo đức sẽ dễ đi vào lòng người hơn, hiệu quả giáo dục sẽ lớn hơn. Chẳng hạn, đức “hiếu” được bắt nguồn từ quan hệ huyết thống, nó là sự đền ơn đáp nghĩa của con cái đối với cha mẹ; là sự chăm sóc, nâng giãc, kính trọng đối với cha mẹ; là sự tiếp nối sự nghiệp ý tưởng của người đi trước; là sự nối dõi tông đường, duy trì dòng họ... Từ những biểu hiện dường như rất gần gũi, hiển nhiên ai cũng có thể chấp nhận, nó được lồng ghép vào ý tưởng chính trị của giai cấp thống trị làm cho các ý tưởng chính trị được đạo đức hóa khiến người dân không thấy bị gò ép.

Trong thời kỳ CNH-HĐH, nếu biết cách *xã hội hóa* những trạng thái tâm lý, thói quen và bằng cách bổ sung vào đó những nội dung phản ánh yêu cầu khách quan của thời đại, những tri thức cần thiết cho cuộc sống, cho công việc, chắc chắn việc đào tạo sẽ mang lại hiệu quả lớn hơn. Kết quả là chúng ta đào tạo được những con người vừa có đức, vừa có tài, lại vừa có tính tự nguyện, tự giác thực hiện những nhiệm vụ mà xã hội giao phó.

Thứ hai, giáo dục theo Nho giáo không chỉ là bài học về những quy phạm, chuẩn mực, giá trị đạo đức sơ cứng, trừu tượng mà ở đó *các nội dung giáo dục thường được cụ thể hóa tùy theo đối tượng, theo hoàn cảnh*, vừa để người học dễ tiếp thu, vừa đem lại hiệu quả nhất. Ví dụ, khi giảng về đức “Nhân”, tùy từng người hỏi, tùy từng nội dung đối tượng quan tâm mà người dạy có câu trả lời phù hợp. Chẳng hạn, khi nói về Nhân, có nơi Khổng Tử nói “Nhân là ái nhân” (nhân là yêu người); ở chỗ khác ông nói “Nhân là điều gì muốn cho mình thì cũng muốn cho người”, v.v... Chính vì vậy, đức “Nhân” mới có sức sống đến tận ngày nay.

Thứ ba, giáo dục Nho giáo đặc biệt *coi trọng tấm gương*, sự tự giác lấy bản thân mình làm mẫu mực. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong việc giáo dục nhân cách. Việc kết bạn, chơi với bạn cũng là một hình thức giáo dục. Khi nhân mạnh nhân tố tự giác, tự tu dưỡng đạo đức, Nho giáo đặc biệt đề cao các phương pháp “tự thân vận động”, như: *tự răn mình, tự kiểm điểm mình, tự đòi hỏi, thận ngôn, thận hành*. Điều này làm cho giáo dục Nho giáo đi vào chiều sâu, không chỉ chịu sự tác động của dư luận mà còn chịu sự điều khiển của lương tâm - một phương thức không phải lúc nào cũng dễ dàng đạt tới.

Đối với những người thành đạt trưởng thành, việc giữ gìn đạo đức cũng không được sao nhãng. Họ phải *tự vấn mình, tự xem xét mình* hàng ngày, hàng giờ để điều chỉnh hành vi và nhận thức làm gương cho học trò, cho những người khác noi theo. “Tu thân” là hình thức giáo dục tự giác để biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Đây cũng là những hình thức giáo dục đạo đức cần được duy trì và phát huy trong xã hội ngày nay.

Trong điều kiện hiện nay, chúng ta cần khắc phục cách làm nặng về giáo dục lý thuyết mà ít thực hành, ít chiêm nghiệm bản thân như thời gian vừa qua dẫn đến tình trạng “lệch về dạy “chữ”, không chú trọng dạy người”⁵. Để khắc phục điều đó, chúng ta phải hướng cho người học tự giác thực hiện những điều đã học bằng chính những hành động của mình trong cuộc sống.

Thứ tư, sự gắn kết giữa các khâu trong giáo dục. Trong giáo dục cần gắn “học” với “tu”, với “tập”, với “hành”. Đây là cách giáo dục

có hiệu quả nhằm vận dụng cái học vào cuộc sống. Hành ở đây phải được hiểu là *sự tập dượt* vận dụng cái đã học một cách tính sáng tạo vào cuộc sống, không nên xem nó là sự rèn luyện lao động một cách giản đơn - hành xác.

Thứ năm, về các phương pháp cụ thể hơn, Nho giáo đã sử dụng một số *phương pháp cụ thể* sau đây trong dạy - học: 1) Phương pháp nêu gương; 2) Phương pháp phân loại đối tượng trong quá trình giáo dục; 3) Phương pháp cá biệt hóa đối tượng và tôn trọng chuẩn mực, đảm bảo sự khách quan; 4) Phương pháp khai thác triệt để các bài học lịch sử, truyền thống thông qua các văn tịch cổ, các tích cổ; 5) Phương pháp khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, chẳng hạn phương pháp “Nghĩ tư vấn”. Trong thời đại ngày nay, các phương pháp này vẫn còn nguyên giá trị, song phải điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh mới.

Trên đây là một số giá trị trong quan niệm giáo dục của Nho giáo cần nghiên cứu để kế thừa, đổi mới và phát triển nhằm phục vụ cho sự nghiệp giáo dục hiện nay nói riêng, sự nghiệp phát triển đất nước nói chung. Tuy nhiên, chúng ta cần nhận thức rằng, việc kế thừa chỉ có hiệu quả tốt nếu chúng ta biết làm mới nội dung của các quan niệm ấy cho phù hợp với đặc điểm của thời đại ngày nay, đồng thời phải dứt khoát loại bỏ những nội dung đã lạc hậu trong thời đại ngày nay. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 BCHTW khóa VIII Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục*, tr. 4.
- 2 Phan Văn Các (1991), “Nghiên cứu Nho giáo Việt Nam trong bối cảnh khu vực và thời đại”, *Triết học*, số 3, tr. 42.
- 3 Xem: Vũ Khiêu (1996), *Bàn về văn hiến Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 193.
- 4 Hồ Ngọc Đại (1991), “Dám hấn”, *Thế giới mới*, số 6, tr. 12.
- 5 Phạm Minh Hạc (1997), “Giáo dục nhân cách - Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục”, *Nghiên cứu Giáo dục*, số 6, tr. 5.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Văn Các (1991), “Nghiên cứu Nho giáo Việt Nam trong bối cảnh khu vực và thời đại”, *Triết học*, số 3.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 BCHTW khóa VIII Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục*.
3. Hồ Ngọc Đại (1991), “Dám hấn”, *Thế giới mới*, số 6.
4. Phạm Minh Hạc (1997), “Giáo dục nhân cách - Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục”, *Nghiên cứu Giáo dục*, số 6.
5. Vũ Khiêu, Thành Duy (2000), *Đạo đức và pháp luật trong triết lý phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. *Hồ Chí Minh bàn về đạo đức cách mạng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
7. Viện Triết học (1994), *Nho giáo tại Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

SOME EDUCATIONAL VALUES OF CONFUCIANISM IN HUMAN TRAINING IN THE CONTEMPORARY VIETNAM

Vu Van Vien

Institute of Philosophy, VASS

One of the central issues of Confucianism is education- human formation. The basic ideas of Confucian education were early introduced into Vietnam and became one of the fundamental roots of traditional education in Vietnam. This article indicates some values of Confucian education that need to be inherited, innovated and developed in the contemporary society of Vietnam. It is the importance of moral education; the sense of responsibility and duty; self-consciousness; self-cultivation; focus on positive educational methods.

Keywords: Legitimacy; morality; education; Confucianism; self-cultivation.